

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 343/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1976. Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: 1 N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1974. Nơi thường trú: 1 N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ở hiện tại: 10 kiệt A Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị B đăng ký hôn vào ngày 23/6/2010 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà B là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 24 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 9/2023, vợ chồng bắt đầu sống ly thân, cả hai không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa ông T và bà B là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông T và bà B.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị B xác nhận có 03 con chung đăng ký khai sinh họ, tên là Nguyễn Hữu T1, sinh 28/4/1998; Nguyễn Thị Tố U, sinh ngày 05/10/2001 và Nguyễn Thị Nhật M, sinh ngày 29/8/2004.

Do các con đã trưởng thành, nên ông T và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị B xác nhận không có tài sản chung, không vay nợ ai.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị B xác nhận có 03 con chung đăng ký khai sinh họ, tên là Nguyễn Hữu T1, sinh 28/4/1998; Nguyễn Thị Tổ U, sinh ngày 05/10/2001 và Nguyễn Thị Nhật M, sinh ngày 29/8/2004. Các con đã trưởng thành, ông T và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị B xác nhận không có tài sản chung, không vay nợ ai.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị B, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003492 ngày 26/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị B đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CC THADS thành phố Huế;
- UBND phường V, thành phố Huế;
- ĐKKH số 63 ngày 23/6/2010*
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương Dung